

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Quyền

2. Bà Nguyễn Thị Lê Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ -Thư ký, TAND H.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2019/TLST-HS ngày 11/9/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H - SN 1993

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L - SN 1959; và bà: Lê Thị A - SN 1960; Vợ: Nguyễn Thị P - SN 1996. Có 01 con SN 2015.

Tiền án: Ngày 19/01/2017, bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày 14/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 22/3/2017 thi hành xong phần án phí); Tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 18/5/2019. Tạm giam ngày 24/5/2019 tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

2. Đồng Khắc H - SN 1981

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đồng Khắc H - SN 1951; và bà: Lê Thị M - SN 1957; Vợ: Trần Thị T - SN 1985. Có 03 con, lớn nhất SN 2005, nhỏ nhất SN 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam ngày 23/5/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Quốc M - SN 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Trương Thị L - SN 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lại Duy T - SN 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

4. Ông Lê Đình P - SN 1969

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

5. Bà Mai Thị T - SN 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H - SN 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Đình Đ - SN 1989.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Nguyễn Thị N - SN 1973

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá

4. Ông Lê Thế C - SN 1958

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30” ngày 18/5/2019, Trần Văn H đi bộ từ nhà đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 14h cùng ngày, H phát hiện xe mô tô BKS 36L2 - 9147 của anh Nguyễn Quốc M đang dựng bên trong cổng Bệnh viện, không có người trông coi. H đi lại gần, quan sát xung quanh không có ai, H dắt xe ra đến cổng Bệnh viện thì bị bảo vệ chặn lại hỏi vé xe. H nói dối chiếc xe trên là của H gửi trong Bệnh viện từ 9h sáng cùng ngày nhưng quên không lấy vé. Sau đó H đưa cho bảo vệ 5.000đ và dắt xe đi ra ngoài, đi được 100m thì bị anh M cùng tổ công tác Công an huyện Quảng Xương phát hiện bắt quả tang và đưa H cùng tang vật về Công an huyện Quảng Xương làm việc.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Quốc M, ngày 18/5/2019 anh để xe mô tô BKS 36L2 - 9147 ở sát nhà để xe phía trong cổng bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương thì bị trộm cắp.

Ngày 21/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe mô tô trên có giá là 3.500.000đ.

Ngày 01/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại xe cho anh M; anh M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Ngoài ra, từ ngày 09/5/2019 đến ngày 16/5/2019, Trần Văn H còn liên tục thực hiện 04 vụ trộm cắp khác gồm:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 h30” ngày 09/5/2019, H đến quán bi-a nhà chị Trương Thị L để chơi. H phát hiện trên bàn uống nước bên trong quán có một chiếc chìa khóa xe mô tô của chị L BKS 36B3 - 94150 đang dựng trước cửa quán. H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên nên lấy chìa khóa xe giấu vào túi quần, đợi đến khoảng 16h cùng ngày khi quán không còn ai chơi bi-a, chị L đi vào trong nhà, H đi ra chỗ chiếc xe mô tô, dùng chìa khóa để mở khóa rồi lên xe chạy ra hướng QL1A. Trên đường đi H gọi điện cho Đồng Khắc H hỏi xem có biết chỗ bán xe không thì H nói với H gần cầu Sông L có quán sửa xe mô tô, mang ra đó mà bán. H chạy ra cầu

Sông L đến quán sửa chữa xe của anh Phạm Văn H để bán. Khi đem xe đến bán H nói đó là xe của mình bị mất giấy tờ, xe đã cũ, cần tiền nên bán. Anh H đồng ý mua với giá 1.200.000đ. Sau khi bán được xe H rủ H đi mua ma túy sử dụng hết 250.000đ, số tiền còn lại H chi tiêu cá nhân hết. Ngày 19/5/2019 anh H đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra.

Theo báo cáo của chị L, ngày 09/5/2019 chị bị kẻ gian trộm cắp xe mô tô BKS 36B3-94150, khi bị mất trộm xe có giá trị khoảng 7.000.000đ.

Ngày 21/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe trên trị giá 6.000.000đ.

Ngày 01/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe trên cho chị L; chị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Vụ thứ 2: Khoảng 9h ngày 11/5/2019, H đi bộ từ nhà sang địa bàn thôn B, xã Q, huyện Q để tìm tài sản trộm cắp. H phát hiện xe mô tô BKS 18P8-7910 của anh Lại Duy T đang dựng ở lề đường liên xã Q, xã Q không có người trông coi. H đi lại kiểm tra, phát hiện ổ khóa điện của xe bị hỏng, không cần chìa khóa cũng nổ được. H ngồi lên xe đạp nổ máy rồi đem xe đến tiệm thu mua phế liệu của ông Lê Thế C bán được 500.000đ. Khi bán H nói đó là xe của gia đình, xe đã cũ không sử dụng được nên đem bán. Số tiền trên H đem mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 12/5/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên tại gia đình ông C.

Theo báo cáo của anh T, ngày 11/5/2019 anh bị kẻ gian trộm cắp xe mô tô BKS 18P8-7910. Khi bị mất chiếc xe trên có giá trị khoảng 1.000.000đ.

Ngày 26/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe trên trị giá là 300.000đ.

Ngày 08/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh T; anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Vụ thứ 3: Cùng thủ đoạn trên, khoảng 9h30” ngày 12/5/2019, H ngồi nhờ xe của người đi đường xuống xã Q để trộm cắp tài sản. Khoảng 10h cùng ngày, H đi bộ dọc theo đường Liên thôn H, xã Q, nhìn thấy 01 xe mô tô BKS 36M9-8049 của ông Lê Đình P đang dựng ở lề đường, không có người trông coi, chìa khóa đang cắm ổ khóa. H đi lại gần bật khóa điện, nổ máy chạy ra QL1A. Trên đường đi H gọi điện cho Đồng Khắc H, nói cho H biết vừa lấy trộm được chiếc xe mô tô và rủ H đi bán cùng lấy tiền mua ma túy sử dụng chung. H đồng ý và nói xuống xã Q đón H. Đến khoảng 13h cùng ngày H chạy xe trộm cắp được xuống đón H rồi cả hai đem xe xuống cửa hàng thu mua phế liệu ở xã Q bán, nhưng chủ cửa hàng không mua. Lúc này H gặp Mai Ngọc B người xã Q, huyện Q là đối tượng nghiện ma túy. H hỏi B nơi bán chiếc xe trên (H không nói đó là xe H trộm cắp được). B chỉ lên ngã ba C thuộc địa bàn xã Q có chỗ bán xe. H rủ B đi cùng, B đồng ý cùng H và H lên bán xe. Đến nơi, H xuống xe đứng đợi bên ngoài để B và H đem xe mô tô trên vào bán cho chị Nguyễn Thị N với giá 600.000đ. Khi bán H nói với chị N đó là xe của H. Số tiền bán xe H, H và B mua ma túy sử dụng chung hết 450.000đ, số tiền còn lại 150.000đ H giữ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 20/5/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe trên tại gia đình chị Nguyễn Thị N.

Theo báo cáo của ông P ngày 12/5/2019, ông bị kẻ gian trộm cắp xe mô tô BKS 36M9-8049, thời điểm bị mất trộm xe có giá trị khoảng 6.800.000đ.

Ngày 21/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe mô tô trên trị giá là 5.000.000đ.

Ngày 02/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông P; ông P đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 13h25” ngày 16/5/2019, H đi bộ vào cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương tìm tài sản để trộm cắp. H phát hiện chiếc xe mô tô BKS 36R6-4124 của bà Mai Thị T đang để trước cửa quán cơm của gia đình, chìa khóa xe cắm trên ổ điện, không có người trông coi. H đi lại gần, lên xe nổ máy chạy ra hướng QL1A tìm nơi bán chiếc xe. Trên đường đi tiêu thụ H gọi cho Đồng Khắc H nói cho H biết vừa trộm được chiếc xe mô tô và rủ H mang xe đi tiêu thụ. H đồng ý và bảo H lại ngã ba C đón H. Sau đó cả hai mang xe đến quán thu mua sắt vụn ở thôn 1, xã Q để bán nhưng không bán được. H và H đi dọc theo QL1A về hướng Nam để tìm chỗ bán xe. Khi đi đến địa phận thôn H, xã H, huyện T cả hai đem chiếc xe vào tiệm sửa xe máy của anh Nguyễn Hữu T để bán, nhưng T không mua mà gọi điện giới thiệu cho Lê Đình Đ đến mua. H nói dối chiếc xe trên là của H, đã bị mất giấy tờ, cần tiền nên bán. Đ không tin, H tiếp tục đưa ra 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Trọng H - SN 1982 ở huyện H, TP. Hồ Chí Minh và nói đó là chứng minh thư của H nên Đ đã tin và làm hợp đồng mua bán xe cùng H với giá 1.000.000đ. Số tiền trên H và H đi mua ma túy sử dụng chung và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 19/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ chiếc xe trên tại gia đình Lê Đình Đ.

Theo báo cáo của bà Mai Thị T, ngày 16/5/2019 bà bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe BKS 36R6-4124, có giá trị khoảng 8.000.000đ.

Ngày 21/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quảng Xương đã định giá chiếc xe trên trị giá là 5.000.000đ.

Ngày 02/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà T; bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình xác minh tại gia đình ông Trần Văn L (bố đẻ của H), xác định H không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, là đối tượng nghiện ma túy, gia đình H có hoàn cảnh khó khăn không có tiền để chu cấp cho H sinh hoạt cá nhân và mua ma túy sử dụng. Trong một thời gian ngắn, H đã thực hiện liên tiếp 05 lần trộm cắp xe mô tô. (Tổng giá trị tài sản mà H trộm cắp được là 19.800.000đ) để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân. Bị can H phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã khởi tố H về tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Đồng Khắc H, mặc dù biết rõ đó là tài sản do H trộm cắp mà có, nhưng khi H rủ, H đồng ý 02 lần đi cùng H tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô gồm: xe mô tô BKS 36M9-8049 và xe mô tô BKS 36R6-4124 lấy tiền mua ma túy sử dụng cùng H; do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã khởi tố Đồng Khắc H về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với Mai Ngọc B là đối tượng đã cùng H và H đi bán xe mô tô BKS 36M9-8049 để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Quá trình điều tra xác định B không biết chiếc

xe mô tô trên là tài sản do H trộm cắp; do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương không xử lý B về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị N, Phạm Văn H, Lê Đình Đ, Lê Thế C đã có hành vi mua xe mô tô 36B3-94150; xe mô tô BKS 18P8-7910; xe mô tô BKS 36M9-8049; xe mô tô BKS 36R6-4124. Tất cả đều không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý N, Hạnh, Đ và C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với tổng số tiền mua xe 3.300.000đ, N, H, Đ và C không yêu cầu hay đề nghị H và H phải trả lại số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 47/CTr-VKS ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Đồng Khắc H về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với H. Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối Đồng Khắc H.

Đề nghị xử phạt:

-Trần Văn H từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

- Đồng Khắc H từ 10 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam. Về bồi thường dân sự: Những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về phần dân sự, đề nghị không xét. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, anh Đ, chị N, ông C không yêu cầu H và H phải trả lại số tiền đã mua xe của H và H nên đề nghị không xét. Đối với số tiền 3.300.000đ là tiền các bị cáo bán xe, đây là tiền do các bị cáo thu lời bất chính mà có nên đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận: Do không có nghề nghiệp, bản thân

nghiện ma túy nên trong khoảng thời gian từ ngày 09/5/2019 đến ngày 18/5/2019 Trần Văn H đã 05 lần trộm cắp xe mô tô của chị L, anh T, ông P, bà T và anh M với tổng giá trị tài sản là 19.800.000đ. Bị cáo Đồng Khắc H thừa nhận trong một thời gian ngắn H đã đi cùng H tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô mà H đã trộm cắp được tổng giá trị tài sản là 10.000.000đ.

[3] Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Đồng Khắc H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo không chịu khó lao động để rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Bị cáo H trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền nuôi sống bản thân và mua ma túy sử dụng, bị cáo H tiêu thụ tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

- *Về tình tiết tăng nặng:*

+ Đối với bị cáo H đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp 05 lần do cố ý. Mặt khác, H không có nghề nghiệp, lại nghiện chất ma túy. Bị cáo trộm cắp để lấy đó làm nguồn sống chính nuôi sống bản thân và mua ma túy sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 52 BLHS thì các tình tiết đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã có tiền án, phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

+ Đối với bị cáo H, do nghiện ma túy, không có tiền mua ma túy sử dụng nên khi H rủ đi tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô do H trộm cắp mà có thì H đồng ý ngay; vì vậy áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:*

+ Đối với bị cáo H, H đều thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Xét thấy cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Về bồi thường dân sự:* Những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H, anh Đ, chị N, ông C không yêu cầu H và H phải trả lại số tiền đã mua xe nên HĐXX không xét.

- Đối với số tiền 3.300.000đ. Mặc dù những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N, anh Đ, anh H và ông C không yêu các bị cáo phải trả lại số tiền trên. Tuy nhiên, số tiền trên là tiền do các bị cáo thu lời bất chính mà có nên buộc truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.300.000đ đối với bị cáo H và H.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với H.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng Khắc H phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Trần Văn H 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18/5/2019.

Xử phạt: Đồng Khắc H 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/5/2019.

- **Bồi thường dân sự**: Những người bị hại anh M, chị L, anh T, ông P, bà T đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về dân sự nên HĐXX không xem xét.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H, anh Đ, chị N, ông C không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã mua xe nên HĐXX không xét.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.300.000đ đối với bị cáo H và H. Chia phần cụ thể: H: 2.575.000đ, H: 725.000đ.

- **Án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14.

Buộc các bị cáo H, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án sẽ bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Noinhân:

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDH, Quảng Xương;
- CAH, Quảng Xương;
- Chi cục THADSH, Quảng Xương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý

